

Bản án số: 187/2017/DS-PT

Ngày: 18-12-2017

V/v tranh chấp hợp đồng đầu tư trồng
và mua bán mía nguyên liệu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Hùng

Các Thẩm phán: 1 – Ông Huỳnh Đức Khải

2 – Ông Nguyễn Văn Dũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2017/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2017/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 246/2017/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Công ty trách nhiệm hữu hạn M.**

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Q**, chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hà Minh T, là người được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 24/11/2017 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khu vực A, phường T, thị xã L, tỉnh H.

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1946 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện M, tỉnh S.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Dương Phấn K**; địa chỉ: Số A đường D, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh S, được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 20/02/2017 (có mặt)

3. *Người kháng cáo:* Ông Dương Phấn K là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn M trình bày:

Vào ngày 07 tháng 4 năm 2015, Công ty trách nhiệm hữu hạn M (gọi tắt là Công ty M) với ông Lê Văn T có ký hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu niên vụ 2015 - 2016. Hợp đồng được chính quyền địa phương xác nhận vào ngày 01 tháng 6 năm 2015. Theo hợp đồng, Công ty M đầu tư cho ông T số tiền 20.000.000 đồng, để trồng 04 ha mía. Ngược lại, khi đến vụ thu hoạch mía, ông T phải bán mía cho Công ty M và hoàn trả tiền vốn đầu tư (gồm gốc và lãi). Thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 30 tháng 11 năm 2015. Thực hiện hợp đồng, vào ngày 13 tháng 7 năm 2015, Công ty M đã chi cho ông T số tiền 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến vụ mía 2015, ông T không bán mía cho Công ty M, mà bán cho thương lái bên ngoài và cũng không hoàn trả tiền vốn đầu tư. Đến ngày 24 tháng 8 năm 2016, hai bên có lập biên bản xác nhận nợ. Theo biên bản xác nhận nợ, ông T xin được trả nợ bằng mía nguyên liệu vụ 2016 - 2017, nhưng nếu hai bên không thỏa thuận giá mía thì trả bằng tiền mặt, thời hạn trả nợ là đến ngày 30 tháng 12 năm 2016, trả dứt điểm một lần, trường hợp ông T không trả nợ đúng hạn thì phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày nhận tiền đầu tư cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Đến hạn thỏa thuận, hai bên không thống nhất được giá mía, ông T bán mía cho thương lái và đến nay, ông T cũng không trả lại tiền vốn đầu tư. Vì vậy, Công ty M yêu cầu ông T trả lại tiền vốn đầu tư 20.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, tính từ ngày nhận tiền đầu tư (ngày 13 tháng 7 năm 2015) cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu ngày 07 tháng 4 năm 2015 (bản chính); Phiếu chi ngày 13 tháng 7 năm 2015 (bản chính); Biên nhận nợ và thủ tục thanh toán ngày 13 tháng 7 năm 2015 (bản chính); Biên bản xác nhận nợ ngày 24 tháng 8 năm 2016 (bản sao).

Bị đơn ông Lê Văn T trình bày:

Ông thừa nhận ông T có ký hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu với Công ty M. Sau khi ký hợp đồng, ông T đã nhận tiền đầu tư đầy đủ. Thực hiện hợp đồng, đến vụ mía 2015, ông T nhiều lần liên hệ với Công ty M để yêu cầu thu mua mía, nhưng phía Công ty M không tiến hành thu mua. Ông T phải bán mía cho thương lái, dẫn đến bị thua lỗ. Đến ngày 24 tháng 8 năm 2016, hai bên có lập biên bản xác nhận nợ, cụ thể là ông T còn nợ Công ty M số tiền đầu tư 20.000.000 đồng, nhưng thực chất là phía Công ty M tái đầu tư cho ông T vụ mía 2016 - 2017, thỏa thuận đến ngày 30 tháng 12 năm 2016, ông T trả nợ cho Công ty M bằng mía nguyên liệu. Tuy nhiên, đến hạn thỏa thuận, hai bên không thống nhất được giá nên ông T không bán mía cho Công ty M. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty M là bên có lỗi nên ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty M.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện M thụ lý, giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 34/2017/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2017 đã quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 và khoản 3 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 290, Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 280, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn M. Buộc ông Lê Văn T trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn M số tiền vốn đầu tư trồng mía là 20.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 1.221.797 đồng, tổng cộng là 21.221.797 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm hai mươi một nghìn bảy trăm chín mươi bảy đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 24 tháng 8 năm 2017, ông Dương Phấn K là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa ông Dương Phấn K rút lại một phần kháng cáo đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm đối với việc buộc ông T phải trả cho Công ty M số tiền 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh với tổng số tiền phải trả là 21.221.797 đồng. Đối với phần án phí ông K vẫn giữ nguyên kháng cáo và xin được miễn phần án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho ông T với lý do ông T đã trên 70 tuổi thuộc trường hợp “người cao tuổi” theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến giám sát tại phiên tòa phúc thẩm và nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung do người kháng cáo rút lại một phần kháng cáo và chỉ xem xét về phần án phí, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa người đại diện cho bị đơn kháng cáo xin rút lại một phần kháng cáo đối với việc buộc ông T phải trả cho Công ty M số tiền 20.000.000 đồng

và tiền lãi phát sinh với tổng số tiền phải trả là 21.221.797 đồng. Đối với phần án phí ông K vẫn giữ nguyên kháng cáo và xin được miễn phần án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho ông T với lý do ông T đã trên 70 tuổi thuộc trường hợp “người cao tuổi” theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xét thấy việc rút lại một phần kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là trên cơ sở tự nguyện, căn cứ vào khoản 3 Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ và không xem xét đối với phần kháng cáo về việc buộc ông T phải trả cho Công ty M số tiền 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh với tổng số tiền phải trả là 21.221.797 đồng.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị đơn về phần án phí, nhận thấy: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn T có đơn xin được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm. Theo giấy chứng minh nhân dân số 365181270, cấp ngày 16/01/2013 xác định ông Lê Văn T sinh năm 1946, đến thời điểm xét xử sơ thẩm ông T đã hơn 70 tuổi. Theo qui định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi năm 2009 thì ông T thuộc trường hợp “người cao tuổi”. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án qui định các trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án nên ông T thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm. Tại cấp sơ thẩm ông T và người đại diện của ông T không có đơn, không có yêu cầu xin miễn án phí nên cấp sơ thẩm không xem xét là đúng qui định của pháp luật, nay người đại diện có đơn xin miễn án phí sơ thẩm, cấp phúc thẩm chấp nhận và sửa phần án phí của bản án sơ thẩm thì cấp sơ thẩm không có lỗi.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án bị sửa nên ông T không phải chịu án phí phúc thẩm, tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông được miễn nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c Khoản 1, Khoản 3 Điều 289; Điều 295; Khoản 2 Điều 308, Khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/. Đình chỉ một phần kháng cáo của người đại diện cho bị đơn đối với phần buộc ông Lê Văn T trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn M số tiền vốn đầu tư trồng mía là 20.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 1.221.797 đồng, tổng cộng là 21.221.797 đồng (*Hai mươi một triệu hai trăm hai mươi một nghìn bảy trăm chín mươi bảy đồng*).

2/. Chấp nhận đơn xin miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm của người đại diện cho bị đơn.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2017/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M đã xét xử về việc “Tranh chấp hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu” giữa nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn M và bị đơn ông Lê Văn T, như sau:

- Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Văn T được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu số 0004215 ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh S.

3/. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho ông Lê Văn T.

Các phần khác của án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, không ghi trong phần quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS-THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Khánh Hùng